

Số: /BC-UBND

Sơn Tịnh, ngày tháng 4 năm 2024

BÁO CÁO

Số liệu kế hoạch giảm nghèo và đề xuất giải pháp giảm tỷ lệ nghèo đa chiều đến năm 2025 trên địa bàn huyện Sơn Tịnh

Theo Công văn số 1375/SLĐT BXH-BTXH&GN ngày 19/4/2024 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Quảng Ngãi về việc rà soát, báo cáo số liệu và đề xuất giải pháp giảm tỷ lệ nghèo đa chiều đến năm 2025, nội dung: Thực hiện Thông báo số 100/TB-UBND ngày 05/3/2024 của UBND tỉnh về việc kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh tại phiên họp thường kỳ đánh giá tình hình phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh tháng 2, 2 tháng đầu năm 2024 và nhiệm vụ trọng tâm tháng 3 năm 2024 và theo tinh thần cuộc họp ngày 16/4/2024 do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức về việc lấy ý kiến đối với phương án giảm tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo để đến năm 2025 tỉnh Quảng Ngãi nằm trong nhóm trung bình của vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung, UBND huyện Sơn Tịnh báo cáo như sau:

I. Số liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo của huyện đến năm 2025

1. Kết quả tổng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo đầu kỳ theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn huyện Sơn Tịnh đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 06/01/2022 là:

- Hộ nghèo: 498 hộ, tỷ lệ 1,88%
- Hộ cận nghèo: 970 hộ, tỷ lệ 3,66%.

2. Theo Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện Sơn Tịnh giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Quyết định số 2277/QĐ-UBND ngày 20/9/2022 của UBND huyện Sơn Tịnh thì:

- Đến năm 2025 phấn đấu giảm 1/2 số hộ nghèo, hộ cận nghèo so với đầu kỳ theo chuẩn nghèo đa chiều của Quốc gia.

- Đến cuối năm 2025:
 - + Tổng số hộ: 27.937 hộ
 - + Số hộ nghèo còn là 249 hộ, tỷ lệ 0,89%.
 - + Số hộ cận nghèo còn là 485 hộ, tỷ lệ 1,74%.
- * Tỷ lệ nghèo đa chiều: 2,63%.

3. Thực trạng hộ nghèo, hộ cận nghèo hiện nay

- Theo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ năm 2023 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn huyện Sơn Tịnh đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1946/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 là:

+ Số hộ nghèo: 382 hộ, trong đó có 299 hộ không có khả năng lao động (chiếm 78,27% trong tổng số hộ nghèo).

+ Số hộ cận nghèo: 774 hộ, trong đó có 358 hộ không có khả năng lao động (chiếm 46,25% trong tổng số hộ cận nghèo).

- Kết quả rà soát số liệu liên quan đến hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023 trên địa bàn huyện theo tinh thần Công văn số 1103/SLĐTĐBXH-BTXH&GN ngày 02/4/2024 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về việc rà soát, báo cáo số liệu liên quan đến hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023: ngày 10/4/2024, UBND huyện đã báo cáo Sở tại Báo cáo số 163/BC-UBND, như sau:

+ Về hộ nghèo: Trong tổng số 382 hộ, có 73 hộ nghèo có khả năng lao động nhưng khó thoát nghèo vì nhiều nguyên nhân (*số hộ chỉ có 01 người có khả năng lao động nhưng đang đi học 14, số hộ chỉ có 01 người có khả năng lao động, người còn lại bị bệnh hiểm nghèo, đau ốm thường xuyên mất khả năng lao động 21, số hộ chỉ có 01 người có khả năng lao động nhưng thiếu năng trí tuệ 5, số hộ chỉ có 01 người có khả năng lao động nhưng khó thoát nghèo khác 33*). Ngoài ra, có 227 hộ nghèo với 269 người là đối tượng đang hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng.

+ Về hộ cận nghèo: Trong tổng số 774 hộ, có 289 hộ cận nghèo có khả năng lao động nhưng khó thoát cận nghèo vì nhiều nguyên nhân (*số hộ chỉ có 01 người có khả năng lao động nhưng đang đi học 41, số hộ chỉ có 01 người có khả năng lao động, người còn lại bị bệnh hiểm nghèo, đau ốm thường xuyên mất khả năng lao động 113, số hộ chỉ có 01 người có khả năng lao động nhưng thiếu năng trí tuệ 8, số hộ chỉ có 01 người có khả năng lao động nhưng khó thoát nghèo khác 127*). Ngoài ra, có 217 hộ nghèo với 275 người là đối tượng đang hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng.

II. Đề xuất các chính sách giảm nghèo khác

1. Tổng hợp số hộ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản theo các chỉ số theo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ năm 2023 như sau:

TT	Chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản	Số hộ thiếu hụt	Trong đó	
			Hộ nghèo	Hộ cận nghèo
1	Việc làm	263	115	148
2	Người phụ thuộc trong hộ gia đình	310	155	155
3	Dinh dưỡng	31	21	10
4	Bảo hiểm y tế	758	230	528

5	Trình độ giáo dục của người lớn	45	28	17
6	Tình trạng đi học của trẻ em	3	1	2
7	Chất lượng nhà ở	306	200	106
8	Diện tích nhà ở bình quân đầu người	23	18	5
9	Nguồn nước sinh hoạt	82	28	54
10	Nhà tiêu hợp vệ sinh	167	126	41
11	Sử dụng dịch vụ viễn thông	523	298	225
12	Phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin	160	131	29

2. Nguyên nhân nghèo, cận nghèo

TT	Nguyên nhân nghèo, cận nghèo	Tổng số hộ	Trong đó	
			Hộ nghèo	Hộ cận nghèo
1	Không có đất sản xuất	62	34	28
2	Không có vốn sản xuất, kinh doanh	200	61	139
3	Không có lao động	563	270	293
4	Không có công cụ/phương tiện sản xuất	48	22	26
5	Không có kiến thức về sản xuất	37	21	16
6	Không có kỹ năng lao động, sản xuất	81	37	44
7	Có người ốm đau, bệnh nặng, tai nạn ...	702	242	460
8	Nguyên nhân khác	54	26	28

3. Đề xuất chính sách giảm nghèo ngoài Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững

Đề nghị tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ các nhóm đối tượng sau:

- Hỗ trợ kinh phí xây dựng mới và sửa chữa nhà ở cho 306 hộ nghèo và hộ cận nghèo có chỉ số thiếu hụt về chất lượng nhà ở.

- Hỗ trợ kinh phí để đóng giếng nước sinh hoạt cho 82 hộ nghèo và hộ cận nghèo có chỉ số thiếu hụt về nguồn nước sinh hoạt.

- Hỗ trợ kinh phí để xây dựng nhà vệ sinh cho 167 hộ nghèo và hộ cận nghèo có chỉ số thiếu hụt về nhà tiêu hợp vệ sinh.

- Hỗ trợ kinh phí để mua sắm điện thoại thông minh cho 160 hộ nghèo và hộ cận nghèo có chỉ số thiếu hụt về phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin.

4. Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện trong thời gian tới

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành và toàn xã hội, nhất là người dân bằng nhiều hình thức nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động trong giảm nghèo bền vững; tiếp tục thực hiện hỗ trợ có hiệu quả các nguồn vốn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024, 2025; phát huy mạnh mẽ truyền thống đoàn kết, tinh thần “tương thân, tương ái” của dân tộc ta đối với người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn.

Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách giảm nghèo thường xuyên (chính sách dạy nghề, tạo việc làm; tín dụng ưu đãi; hỗ trợ về giáo dục, đào tạo; y tế; nhà ở; điện; nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường; trợ giúp pháp lý cho người nghèo, cận nghèo) đến người dân, đảm bảo hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và các hộ chính sách khác được hưởng đầy đủ các chính sách hỗ trợ giảm nghèo bền vững theo đúng quy định.

Triển khai điều tra, thu thập, cập nhật, tổng hợp thông tin về người lao động trên địa bàn huyện để hình thành cơ sở dữ liệu về thị trường lao động; khảo sát các thành viên trong hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trong độ tuổi lao động nhu cầu học nghề để tổ chức đào tạo nghề; phối hợp với các đơn vị có chức năng tổ chức các sàn giao dịch việc làm để các doanh nghiệp tư vấn, tuyển dụng lao động trong nước và tham gia đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

Tiếp tục chỉ đạo triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch Phong trào thi đua “Sơn Tĩnh vì người nghèo - Không để ai bỏ lại phía sau” giai đoạn 2021 - 2025.

4.1. Đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo có khả năng lao động không có đất sản xuất

Tạo điều kiện thuận lợi cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo tiếp cận đất đai (cho mượn đất, cho thuê đất do UBND xã quản lý, hỗ trợ khác về đất,...) để có đất phục vụ sản xuất kinh doanh nâng cao thu nhập cải thiện đời sống. Các phòng chuyên môn của huyện và UBND các xã định hướng, tư vấn,

hướng dẫn về kinh doanh, sản xuất cây trồng, vật nuôi có hiệu quả cho các hộ sau khi được mượn đất, thuê đất...

4.2. Đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo có thành viên trong độ tuổi lao động nhưng thiếu việc làm, thiếu vốn, công cụ phương tiện sản xuất

- Tạo điều kiện thuận lợi vay vốn giải quyết việc làm của Ngân hàng chính sách xã hội và các tổ chức tín dụng khác cho số hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo còn khả năng lao động có nhu cầu vay vốn để phát triển sản xuất, tăng thu nhập giảm nghèo bền vững.

- Làm tốt công tác giải quyết việc làm và tạo thêm việc làm mới cho người lao động, ưu tiên lao động hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, vận động lao động trong độ tuổi, nhất là học sinh tốt nghiệp THPT, thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự xuất ngũ về địa phương tham gia đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng.

4.3. Đối với hộ nghèo, cận nghèo có thành viên trong độ tuổi lao động nhưng không có kiến thức về sản xuất, không có kỹ năng lao động sản xuất

Tổ chức mở các lớp đào tạo nghề ngắn hạn, tập huấn ngắn hạn, tham quan học tập kinh nghiệm các mô hình, kinh nghiệm hay trong và ngoài tỉnh nhằm hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo tiếp cận kiến thức về sản xuất, kỹ năng lao động để sản xuất kinh doanh tạo thu nhập, giải quyết việc làm gắn với giảm nghèo.

4.4. Đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo có khả năng lao động thiếu hụt về nhà ở, nguồn nước sinh hoạt, công trình vệ sinh, phương tiện tiếp cận thông tin, sử dụng dịch vụ viễn thông

Huy động các cơ quan, đơn vị doanh nghiệp, các nhà hảo tâm trong và ngoài địa phương đóng góp “Quỹ vì người nghèo” huyện hỗ trợ xây mới và sửa chữa nhà ở, nhà vệ sinh, mua sắm phương tiện tiếp cận thông tin... cho hộ nghèo, hộ cận nghèo để thoát nghèo bền vững.

UBND huyện báo cáo số liệu kế hoạch giảm nghèo và đề xuất giải pháp giảm tỷ lệ nghèo đa chiều đến năm 2025 trên địa bàn huyện Sơn Tịnh đề Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh biết, tham mưu cấp thẩm quyền ban hành chính sách giảm nghèo./.

Nơi nhận:

- Sở Lao động-TB và XH tỉnh Quảng Ngãi;
- TT Huyện ủy, TT HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- TT UBMTTQ Việt Nam huyện;
- Phòng Lao động - TB và XH huyện;
- CVP, các PVP;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Văn Thảo